

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 494/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1979 và ông Bùi Tá Thluận, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân:

Ông Bùi Tá Th1 và bà Trần Thị Ngọc Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 166 ngày 30 tháng 12 năm 2003.

Quá trình chung sống, ông Th1 và bà Th đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Ông Th1 và bà Th có 02 con chung là Bùi Tá Khôi Ng, sinh ngày 17/12/2004 và Bùi Tá Ph, sinh ngày 10/3/2016. Cháu Ph có nguyện vọng sống chung với bà Th khi cha mẹ ly hôn. Cháu Ng đã thành niên và sống tự lập được nên ông Th1 và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con đối với Cháu Ng.

Khi ly hôn ông Th1 và bà Th thống nhất thỏa thuận:

- Giao con chung là cháu Bùi Tá Ph cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Ông Bùi Tá Th1 và bà Trần Thị Ngọc Th tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Th1 và bà Th tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Th1 và bà Th phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông Th1 và bà Th đã nộp tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng.

[5] Việc ông Th1 và bà Th cùng yêu cầu ly hôn, không yêu cầu chia tài sản và đã thỏa thuận việc trong nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đảm bảo quyền lợi chính đáng của con. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có đủ căn cứ để công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Tá Th1 và bà Trần Thị Ngọc Th.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Tá Th1 và bà Trần Thị Ngọc Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung là cháu Bùi Tá Ph, sinh ngày 10/3/2016 cho bà Th được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Ông Th1 và bà Th tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông Th1 và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí Tòa án:

Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, ông Th1 và bà Th tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số:000266 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Ông Th1 và bà Th đã nộp xong tiền lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- UBND phường T, tp Pleiku  
(Giấy CNKH số 166 ngày 30-12-2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Vũ Đình Nguyên**